

Truyện ngắn đầu xuân  
Chủ đề: Gót Chình nhân  
Tác giả: Tiên Sha - Lê Luyến

# Chuyện người tóc bạc sớm

(Tặng bạn tôi, Biệt kích Nguyễn Thanh Châu)  
“Phong trần xuôi một bước lưu lạc  
Đầu xanh theo một chuyến Xuân tàn” --Tân Đà)

---

## I

Sống ở xứ người buồn nên cuối tuần anh em thường tụ họp uống trà tán gẫu. Ôi thôi đủ thứ chuyện trên trời dưới đất, toàn thiên hạ sự. Nhưng lần nào cũng vậy, chu du khắp năm châu bốn bể rồi sau rốt họ cũng trở về với câu chuyện của mảnh đất quê hương hình chữ S xa xôi ngàn dặm.

Lớp trẻ ngạc nhiên khi nghe người lớn luôn nhắc đến đề tài chiến tranh và ngục tù cũ rích mà không bao giờ biết chán. Họ nói với chút ngậm ngùi cay đắng; có kẻ ủ ê thờ dãi nhưng cũng có người bộc phát lòng căm ghét và khinh miệt. Làm sao giải thích cho lớp trẻ hiểu rằng đó là hoài niệm, là sự tìm kiếm quá khứ, là vốn liếng cuộc đời của cả một cuộc bể dâu tang thương mà thời đó những người trong cuộc bị cuốn hút, có khi không còn nhận ra được ngay cả chính bản thân mình. Làm sao cho lớp người trẻ biết rằng sau những năm tháng tăm tối của định mệnh, sau thời gian đặng đặng đầy rẫy tai ương gai góc, những con người ngày xưa may mắn còn sống sót, quây quần cố nhóm lên đóm lửa tưởng chừng đã bị vùi lấp, chìm khuất trong bão giông quên lãng. Hiện tại họ đã già, vết thương bom đạn đục khoét làm bạc nhược thân xác. Cái đầu thì cần cỗi lão hóa thiếu chất xám, họ chấp nhận làm bất cứ công việc gì để giải quyết cấp thời chuyện cơm áo qua ngày. Quá khứ đối với họ như món đồ cổ trân quý dầu rằng có bị sút mẻ, méo mó vì thời gian tàn nhẫn nhưng vẫn luôn được ngắm soi, nhìn ngắm bằng tác dạ bồi hồi lẫn xót xa. Họ nâng niu trau chuốt như tìm kiếm đời mình ở trong đó, như để gạn lọc chuyện đúng sai, phải trái cuộc đời.

Chúng ta hãy lắng nghe lời tâm sự của một người lính già còn sống sót sau cuộc chiến...

## II

Anh người miền Trung. Tuổi mới năm mươi mà thoạt nhìn cứ tưởng đã ngoài sáu chục. Anh vào lính rất sớm, sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Anh bảo là không thể bình thản tiếp tục con đường học vấn khi chiến tranh bùng phát như ngọn lửa táp ngang mày, khi bạn bè lần lượt lên đường và xã hội miền Nam như bị nén chặt trong không khí bức bối, lo sợ với những cuộc xuống đường biểu tình của bọn tả

khuynh đội lột tôn giáo, của bọn hoạt đầu chính trị đang xâu xé, tranh dành quyền lực. Tuổi trẻ sống với nhiều thắc thỏm, ưu tư, hoài nghi và đau khổ. Chiến tranh, bạo loạn và suy đồi đã đưa họ đến cùng cực chán nản. Anh gia nhập quân đội, tốt nghiệp trường Hạ sĩ quan thông dịch, anh tình nguyện về đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Một năm hành quân bình an khắp mặt trận vùng I chiến thuật. Năm sau - 1967, anh xin chuyển về binh chủng Biệt Kích Lôi Hồ.



Người lính trẻ đầu đội beret đỏ, vai áo mang phù hiệu cọp trắng và cánh dù đó tên là Nguyễn Thanh Châu, vốn vẹn chỉ nhảy được ba chuyến công tác thì kết thúc cuộc đời binh nghiệp. Trong lần hành quân hiểm nghèo tại vùng biên giới Hạ Lào cùng với ba chiến binh VN và hai lính Mỹ, anh không may sa vào tay giặc. Cuộc đọ sức quá chênh lệch giữa các tay súng trong cuộc chơi sinh tử và tất nhiên phần thua sẽ thuộc về phe nào có tay súng ít hơn. Địch đông gấp nhiều lần, do vậy số phần những người lính cảm tử lẻ loi đã được an bày. Hai người lính Mỹ và một quân nhân truyền tin VN bị bắn hạ ngay từ loạt đạn đầu tiên. Toán ba người còn lại vất bỏ ba-lô tháo chạy về phía rừng sâu biên giới.

Sau nhiều ngày chiến đấu cam go đơn độc, đói khát và căng thẳng, cuối cùng kiệt sức họ bị bắt. Người sĩ quan trưởng toán không chịu khai ra mật lệnh truyền tin bị địch xử bắn ngay tại chỗ. Còn lại anh và một người bạn bị trói dong về nơi chạm súng lúc ban đầu, chỗ có xác hai quân nhân Mỹ và người lính truyền tin VN. Đến nơi họ phát hoảng khi nhìn thấy hình hài các bạn bị xé banh tan nát nhầy nhựa đầy máu, ruột gan tim phổi bị tha đi mất, cái đầu bị liếm gặm như trọc lóc, chỉ còn lơ thơ vài mảng tóc dính bết vào xương sọ. Ba người lính xấu số đã bị hùm beo móc ruột tan nát. Số phận không cho họ được tiếp tục làm “cọp sấm sét” ngược lại bị “cọp ăn thịt” đúng nghĩa. Thân xác họ bị rửa rói tàn

nhấn bởi thú dữ, kên kên ở trên rừng chết chẳng toàn thây. Riêng Châu thì may mắn hơn. Sau ba tháng mõi mòn không tin tức, cha mẹ anh được lãnh tiền tử tuất và đành lấy ngày ra đi công tác làm ngày kỵ cơm anh hàng năm. Không ai biết là Châu vẫn còn sống lây lất trên trần gian để trả nợ thua trận.

### III

#### 17 năm sau

Năm 1985, trên đường phố quen thuộc của thành phố Đà Nẵng bỗng xuất hiện một quán nhậu bình dân. Thực khách đa số là dân mảnh mung, chợ trời. Đứng tên đăng ký ngôi quán là một bà già ngoài diện tuổi lao động, đủ điều kiện hợp pháp để nhà cầm quyền cộng sản cấp giấy phép mở quán, nhưng thật tế chủ nhân điều hành lại chính là đôi vợ chồng trung niên, con trai của bà lão. Vợ là người đảm đang, nấu ăn giỏi, tính tình hòa ái. Chồng là mẫu đàn ông lịch lãm, tháo vát, vừa ở tù về.

Công an địa phương quản lý người chặt chẽ, nhất là thành phần chế độ cũ. Vô phương làm ăn, túng cùng bạn bè bày kế để cho bà già đăng ký tên chủ quán, còn vợ chồng anh là người giúp việc kiếm cơm. Dần dà khi vỡ lẽ ra thì chuyện đã rồi nên cũng phải làm ngơ bỏ qua.

Quán nhờ món nhậu ngon, giá bình dân, chủ yếu lấy công làm lời nên chẳng bao lâu khách đến viếng mỗi ngày một đông. Gia đình chủ quán năm người, vợ đứng bếp có cô con gái lớn phụ giúp. Chồng lo tiếp khách, bán bia rượu, ghi sổ, thu tiền. Đứa con trai cả và bé út 13 tuổi chạy bàn phục vụ. Những hôm đông khách quá, người ta thấy có vài dân nhậu tự động bỏ bàn đứng dậy, giúp cha con chủ quán một tay như người trong nhà. Cũng có hôm quán ồn ào vì có kẻ say sưa quậy phá hay muốn nhậu chạy làng, thì lập tức xuất hiện ngay vài tay giang hồ tứ chiếng, kịp thời giải quyết ổn thỏa mọi việc. Trước sau, người chủ quán vẫn giữ thái độ bàng quang của kẻ ngoại cuộc, thản nhiên đứng nhìn như chẳng hề mấy may dính dáng đến mình.

Riêng mấy tay anh chị này thì dân giang hồ Đà Nẵng không ai là không biết đến. Ngày trước họ đã một thời lừng lẫy như Phước Mèo nổi danh giỏi võ, với cây dao “tàng chiêu quái đao” đã từng đụng độ lính Đại Hàn có đai đen Taekwondo; hay Hoàng Rouleau, trắng trẻo đẹp trai giống thư sinh nhưng quay súng và bắn nhanh như phim cao bồi Django, đã có lần thử súng với tài xế Mỹ lái xe ẩu đụng người bỏ chạy. Một Đè “đầu bạc” gan to bằng trời, một thân một mình tung hoành nhiều năm ở thành phố lớn miền Trung này. Ngoài ra còn có Khiếu râu, Sang què, hai sĩ quan BĐQ độc thân, thường ngâm nga thơ phú mỗi khi tửu hứng. Sau 75, họ bị nhốt tại địa phương vì bị thương tật và các trại tù chứa đầy người quá. Các anh làm đủ nghề, chạy áp-phe, buôn bán. Riêng Đè

“đầu bạc” thì hành nghề xe ôm, nhưng không chở người, chở hàng mà chỉ chuyên chở những thứ lậu thuế, quốc cấm.

Những người bạn này tuy mang tiếng giang hồ nhưng họ sống như những “hảo hớn thảo dã Lương sơn Bạc” đầy khát vọng công lý, phóng khoáng và nhất mực thủy chung với bạn. Thời gian người chủ quán còn ở trong tù, thỉnh thoảng họ xúm nhau giúp gạo, giúp củi cho vợ bạn nuôi con chờ chồng. Những lúc gia đình bạn gặp cơn khốn đốn đều có mặt họ bên cạnh. Ngày bạn ra tù, họ rủ đến vây cuộc nhậu, chén tạc chén thù, say túy lúy càn khôn suốt một ngày. Biết hoàn cảnh bạn khó khăn, họ gợi ý giúp mở quán nhậu rồi phân công người mua xốp về làm thùng đựng nước đá, người giúp gõ đóng bàn ghế, sau đó dẫn bạn đến giới thiệu các đề-pô bia, rượu, thuốc lá mua trả gỏi đầu với giá đặc biệt. Sau cùng họ góp tiền lại cho bạn mượn vốn làm ăn. Vợ người chủ quán nhìn họ bằng ánh mắt cảm động, biết ơn. Riêng với họ chẳng bao giờ nhọc lòng bận tâm. Họ làm nghĩa cử giúp bạn một cách thản nhiên như uống một ly rượu, hút một điếu thuốc.

#### IV

Một buổi sáng mùa hè năm 1986, trong ngôi quán bắt đắc dĩ được cải biến từ căn nhà ở nằm trên đường Huỳnh Thúc Kháng, một người đàn ông cao gầy, đội nón lá rách toè vành, mặc chiếc áo bạc màu sòn vai dầm ướt mồ hôi, có những quầng muối trắng loang lổ còn in lại trên lưng - Người đi bán củi dạo. Thấy chủ quán bước ra, ông khẽ chào. Bà vợ chủ quán nói:

- Củi ông này bán đượm lửa mà giá lại rẻ hơn mấy hôm trước. Anh vào lấy tiền trả giúp em. Khi người chủ quán trở ra ngồi đếm tiền trả ông bán củi mà trong lòng anh cứ ngỡ ngỡ, hình như quen thuộc với ông này lắm. Khuôn mặt xương xương, cái miệng hay cười toét, vàng trán rộng hơi vồ đầy vẻ bướng bỉnh với mái tóc lờm xờm biếng chải, muối nhiều hơn tiêu... Tất cả dường như gần gũi lắm nhưng người chủ quán cố nhớ mãi vẫn không ra. Chợt nghĩ ra được một điều. Chủ quán bước đến chỗ quầy hàng, với tay lấy chai rượu và hai chiếc ly nhỏ. Anh rót mời người bán củi và nói:

- Rượu gạo 100%, uống không bị nhức đầu. Anh dùng thử một ly nhé.

Đón ly rượu, ông bán củi không khách sáo chiêu thử một ngụm. Cái miệng bỗng nở toét ra vẻ khoái trá. Người chủ rót thêm và gọi chuyện:

- Anh ở đâu? Sao ít thấy qua lại đường này.

- Tôi ở Nại Hiên. Mới hành nghề bán củi dạo, kiếm cơm qua ngày.

Giọng nói dừng dưng, khuôn mặt bình thản, ông tiếp tục uống rượu đốt thuốc. Chủ quán lại nói tiếp:

- Tôi cũng có vài người bạn nhà ở Nại Hiên, trước đây học cùng trường Tây Hồ.

- Tôi cũng học Tây Hồ. Bạn anh tên chi?

- Tên Châu... Nhưng đã chết lâu rồi.

- Tôi cũng tên Châu, Nguyễn Thanh Châu.

Chủ quán mở to mắt nhìn chăm chăm người đàn ông ngồi đối diện, miệng hỏi dồn dập:

- Châu “Lôi Hồ”?

Khuôn mặt ông bán củi chợt thoáng buồn:

- Hồ lôi thì có, chứ làm gì còn hồ sấm sét nữa.

Người chủ quán xô ghế đứng bật dậy, dang hai tay chụp vào vai ông bán củi lay mạnh, giọng thảng thốt, ướm sững xúc động:

- Đúng là Châu, Châu điên đây rồi. Mi còn sống hả? Tau là Luyên, Luyên lòi đây.

Nghe tiếng la lớn, vợ người chủ quán bỏ bếp chạy vội lên nhà trên. Đôi bạn ngày xưa đang ôm chàng nhau cảm động, thốn thức trước cặp mắt ngơ ngác của bà.



Chín giờ sáng hôm sau. Trong ngôi quán bất đắc dĩ đã diễn ra một khung cảnh tình nghĩa, ấm cúng. Bảy người đàn ông trung niên thuộc đủ mọi thành phần buôn bán, làm thuê, mảnh mung hay mới ra tù, ngồi quây quần quanh chiếu nhậu, bên những chai rượu, chai bia và một mâm thức nhắm thịnh soạn do chính tay bà chủ nấu ra để chồng chiêu đãi người bạn thuở xưa, mang bản án 17 năm lưu đày mà cứ ngỡ đã chết mất xác từ lâu. Họ là những tay giang hồ anh em thường xuyên có mặt ở quán này như: Phước mèo, Đề đầu bạc, Hoàng rouleau, Sang què, Khiếu râu. Trong ngày hội trùng phùng, họ nâng ly với tấm lòng dạt dào nỗi nhớ niềm thương của những kẻ may mắn còn sống sót sau chiến tranh và tù ngục.

Rượu đầy rồi cạn, men thâm dần, họ thức hỏi người bạn Biệt kích vào chuyện. Ánh mắt mênh mang, một thoáng buồn suy tư, chậm rãi nhả những vòng khói thuốc mờ nhạt, Châu bắt đầu câu chuyện 17 năm về trước...

## V

Trên cõi đời này ngoài tôi ra, chắc chắn không còn ai biết câu chuyện định mệnh năm xưa. Sẽ không bao giờ có ai nhớ đến cái tên Mỹ Missouri của toán chúng tôi.

Sau trận chạm súng bất ngờ, ba bị cộp ăn, một tử hình, toán sáu người chúng tôi chỉ còn sống sót lại hai đứa. Tôi và Lô viết Cầu bị bắt trời quật cánh khuấy, rời khỏi vùng tử địa có bốn xác chiến hữu chết không toàn thân. Ngày đi đêm nghỉ, chúng tôi phải gồng mình chịu cái nóng ngột ngạt, khô cháy của gió Lào ban ngày và cái rét kinh khủng, buốt xương của núi rừng Trường Sơn ban đêm. Cuộc hành trình về nơi lưu đày tưởng chừng bất tận. Ban đầu còn khỏe, ý nghĩ đào thoát cứ lớn vồn trong suốt đoạn đường đi qua. Dần dà bị đói khát, gian khổ, bệnh tật hành hạ, cái chết không còn là nỗi ám ảnh ghê gớm nữa. Tôi nghĩ, đôi khi cái chết đòi hỏi phải có ý nghĩa, nhưng trong tình thế hiện tại thì cái chết chẳng còn nghĩa lý gì nữa khi phải sống với hoàn cảnh nhục nhã, tòi tệ như thế này. Có thể cái chết sẽ làm chúng tôi bớt đau khổ hơn là sống hèn, sống nhục. Nhưng kẻ địch không để chúng tôi có cơ hội. Hiếm lắm chúng mới bắt được một người lính quốc gia chứ đừng nói chi là thứ Biệt Kích đặc biệt. Do vậy không những chúng canh phòng nghiêm ngặt ngày đêm, mà còn tỏ thái độ thù hằn căm ghét đến thậm tệ nữa là khác.

Một tháng sau chúng tôi đến Quảng Bình, vùng đất khô cằn sỏi đá của địa đầu “Xã hội chủ nghĩa”. Tôi thấy người dân ở đây cũng thiếu thốn, khổ cực như người tù, chỉ khác là họ không bị trời thúc ké như chúng tôi. Kê tiếp, xe bộ đội chở hai đứa về Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Đông. Ngày xưa, nơi đây đã một thời nổi tiếng bánh cuốn Thanh Trì và bài thơ “Áo lụa Hà Đông” được Ngô Thụy Miên phổ thành nhạc, đã thâm nhập sâu sắc vào lòng mọi người và dòng văn học nước nhà. Tất cả những ấn tượng đẹp đẽ của xứ sở nhiều giai thoại này bỗng chốc tiêu tan trong lòng người tù binh trẻ khi nhìn thấy hàng chữ “Xà lim Bộ Công an” đập vào mắt. Đó là khởi đầu của năm tháng lưu đày kinh hoàng, là thời gian của cùm gông đọa đày, là triền miên trong đói rét nhục hình.

Từ đó, cuộc đời hai đứa tôi hầu như có mặt cùng khắp ở các địa ngục trần gian như: Nhà tù Vĩnh Quang, Tân Lập, Hồng Thắng, Thanh Phong. Những nơi đi qua, tôi đã thấy hàng ngàn bộ xương còn thở, còn đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống. Những thầy ma biết cử động, những cái bóng im lìm mỗi ngày một gầy gò tiêu hao, từ thể xác đến tâm hồn. Cứ thế cho đến một lúc, những kẻ bất hạnh bỗng biến mất vĩnh viễn trên cõi đời. Họ ra đi lặng lẽ cũng như họ đã sống cuộc đời lặng lẽ. Tất cả bình thường, tự nhiên từ cái chết đến cả sự mơ ước một ngày được trả tự do, dần dần rồi cũng dừng đọng, bình thản chẳng hề bận tâm suy nghĩ.

Ngày tháng tù, những người lính chúng tôi xem nhau như anh em một nhà, không cho phép ai nghĩ điều gì khác ngoài tình đồng đội, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ, bảo vệ nhau để sinh tồn. Nếu địch muốn chúng tôi chết thì phải cố mà sống. Nếu họ muốn chúng tôi sống hèn thì phải bảo ban, nhắc nhở nhau sống cho dũng cảm, hiên ngang để xứng đáng với tinh thần bất khuất của người lính từng xem nhẹ sinh tử và thấu đáo lẽ sống chết vô thường. Những khi chập chờn nửa mê, nửa tỉnh, phiêu hốt trôi nổi trong các phòng biệt giam khủng khiếp của nhà tù, chúng tôi đã kiên trì vận dụng nghị lực để chế ngự bất hạnh, cố tập trung suy nghĩ, mài giũa ý chí bằng hùng khí và lý tưởng. Đó là phương pháp tự rèn để tồn tại. Chính nhờ vậy nên đã nuôi dưỡng mạng sống cho hàng chục chiến hữu chịu cùm gông suốt hai mươi năm, hăm lăm năm như Quách Rạng, Nguyễn Văn Hợp, Hà Văn Cháp, Lê Văn Tụng, Đinh Anh, Bùi Văn Tư... được tồn sinh để có ngày trở về. Phải chăng đó là phép lạ nhiệm màu, là sự phấn đấu bền bỉ kiên cường của những con người yêu chuộng lẽ sống thiêng liêng.

Sự độc ác, dối trá và ngu xuẩn của kẻ thù chỉ có thể làm nung nấu lòng người tù càng sống khí phách, quật cường hơn nữa với năm tháng lưu đày vô hạn định.

Bọn cán bộ làm sao hiểu được điều đó. Đầu óc chúng rỗng tuếch, đàn độn như hình nhân Rô-bô thì làm sao có thể cải hóa được những con người thừa nhiệt huyết, dũng cảm và cứng đầu, dẫu rằng chúng có thể dày xéo cả tinh thần lẫn thể xác chúng tôi. Người cộng sản ngây thơ cứ nghĩ rằng khi đã hành hạ người ta bằng đủ thứ nhục hình là đã khuất phục được. Họ nhầm lẫn khi thấy chúng tôi im lặng. Họ đâu biết rằng những điều nói ra với chúng tôi chỉ là nước đổ lá môn, có khi còn bị ép-phê ngược lại là đằng khác. Điển hình như câu chuyện ngốc nghếch sau đây:

“Năm 1973, Cục quản lý Trung ương Hà Nội đến trại. Buổi chiều, lúc xếp hàng điếm danh vào phòng, chợt thấy một người từ Ban chỉ huy đi xuống, vừa đi vừa nghe phát thanh từ chiếc radio nhỏ mang trên vai. Cán bộ trực trại ngẩn mặt nhìn ra vẻ ngưỡng mộ lắm rồi quay sang chúng tôi, anh ta vênh váo nói: chỉ cán bộ cao cấp cách mạng mới có được tiêu chuẩn ưu đãi những thứ quý hiếm như 3Đ đó, chứ ngay các anh thì cả đời cũng không có được. Thoạt nghe qua chúng tôi ngẩn ngơ không hiểu, nhưng khi được tên cán bộ giải thích thì mới bật ngửa ra, không nhịn được phải phát cười rộ lên. Thì ra 3Đ đó là: đạp, đồng, đài. Thời điểm đó, xe đạp, đồng hồ và radio là niềm mơ ước to lớn của cán bộ và nhân dân miền Bắc, trong khi đối với miền Nam thì những thứ đó thật quá tầm thường, nhỏ nhoi làm sao”.

Còn khối chuyện ngu dốt của bọn cai tù làm chúng tôi khinh bỉ và nực cười đến chảy nước mắt. Cứ thế chúng tôi lần lữa cố sống, kéo lê chuỗi năm tháng đoạn trường để chờ đợi một ngày vận nước, mệnh đời thay đổi.

Thế nhưng, ngày tang thương tháng Tư năm bảy lăm đã bóp chết tất cả mọi niềm tin mà chúng tôi ôm ấp, nuôi dưỡng hàng chục năm qua. Ngày miền Nam thất thủ đã nổ ra như một quả bom có sức hủy diệt mọi hy vọng trong lòng người bị lưu đày biệt xứ. Ngày hôm đó trời đất như cũng đồng cảm với tù, trở nên u ám ảm đạm như lòng người sầu thảm, héo hắt. Câu thơ thuộc nằm lòng của Thi hào Nguyễn Du hồi còn đi học “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”, đến nay tôi mới cảm nhận được hết ý nghĩa thâm sâu của nó. Đêm nằm thao thức, nghe tiếng thở dài vang lên từng chập. Người bạn tù bên cạnh cũng trần trọc, thao láo đôi mắt, buồn bã nhìn ra dãy núi Tam Đảo chập chùng sương khói trắng đục, cảm nín chẳng thốt nửa lời. Đất trời đêm ba mươi tháng Tư này sao mà ảm đạm, thê lương lạ lùng. Gió khuya trở giấc vọng về tiếng rít gào, mây đen kịt từ đâu kéo đến che lấp cả vầng trăng hạ tuần, mờ mờ ảo ảo, le lói những ánh ma trời. Cảnh vật xao xác cũng giống lòng người đòi đoạn như bốn câu thơ:

*“Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,  
Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi.  
Chinh phu tử sĩ mấy người,  
Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn...”*

Quê hương chúng ta chiến tranh ròng rã, hết đời ông đến đời cha rồi đến đời con cháu. Hết đánh giặc ngoài lại xâu xé với thù trong. Người chết lên đến con số triệu. Xương cao thành núi, máu chảy tựa sông. Nơi đâu cũng đầy rẫy tiếng kêu gào của oan hồn uổng tử.

Sau bảy lăm, kẻ thù lại có thêm cơ hội lên mặt huênh hoang, đắc chí của kẻ vừa chiến thắng. Miền Nam thất trận, chúng tôi tắt đi tất cả niềm hy vọng còn sót lại. Thêm tám năm tù nữa, tôi sống quẫn quại trong nỗi đau thua trận mới nhưng đồng thời cũng có cơ hội để kiểm chứng thật kỹ những sai lầm của kẻ chiến thắng. Trình độ dân trí và sự ngu dốt không thể tưởng tượng nổi của kẻ thù chính là sự sai lầm của chế độ Xã hội chủ nghĩa miền Bắc. Thế mà đau đốn thay, kẻ bại trận lại là chúng ta.





Cuối năm 1984 tôi được ra tù. Tất cả đều xa lạ, ngỡ ngàng. Con đường ngày xưa vào đất địch gian nguy chẳng hẹn ngày trở lại. Con đường hôm nay cũng chẳng khác gì mấy, hun hút trời mây, mịt mờ vô định. Có khác chăng là mái tóc xanh ngày xưa bây giờ đã lốm đốm bạc mầu, thân hình ốm o già cỗi. Bao nhiêu năm lê lét trong những trại tù khổ sai không thấy mặt trời, sống với một bầu lang sỏi hóa thân thành bọn cai ngục. Không sách báo, không ánh sáng văn minh, không phố phường đô thị... vô vàn cái không khiến con người tôi trở thành đần độn.

Hai ngày hai đêm thao thức, vài lần đổi tàu xe, tôi mới đặt chân về tới quê nhà. Phở xá nhiệt náo xô bồ. Nhịp sống chuyển động hối hả, bon chen khác xưa, con người thì lạnh nhạt và xa lạ hơn. Chỉ riêng dòng sông Hàn vẫn thủy chung như ngày nào, êm ả hiền hòa trôi ra cửa biển Tiên Sa. Kỷ niệm học trò đầy áp chột hiện về. Một góc trời quê hương, một bên sông tuổi thơ và tháng ngày vô tư ngụp lặn thỏa thích trong dòng sông mộng寐. Cái ngổ ngáo pha chút lãng mạn của người lính năm xưa bỗng chốc sống lại. Tôi tìm chỗ vắng trên Bến Mía, nhảy ùm xuống làn nước ngọt ngào tình quê, đắm mình trong thứ hạnh phúc vay mượn mong manh nhưng rất thật. Đầu óc vẫn vơ ý nghĩ là để gột rửa sạch sẽ những cát bụi bẩn thỉu của cuộc đời phong trần đã áp đặt lên số phận tôi tệ, bất hạnh của mình. Tôi muốn tìm lại cho tâm hồn đôi chút bình an và hơi hướm một thoáng hạnh phúc thần tiên của thiên đường tuổi thơ vô tư yêu đời, đầy ước mơ với trang giấy trắng tinh khôi có hoa và bướm của thuở học trò.

Con đường ngăn ngang qua Cổ Viện Chàm dẫn về làng Nại Hiền nay không còn nhận ra được nữa. Nhiều người đi qua, họ nhìn kẻ mặc áo tù với vẻ hững hờ pha chút tội nghiệp. Tất cả đã đổi thay xa lạ, không còn ai nhớ ra tôi nữa. Tôi bật cười chua chát. Quả thế, chuyện đời đổi thay, có đôi khi mình còn không nhận ra chính mình nữa thì làm sao cuộc đời có thể dung chứa được hết thấy mọi con người trong cuộc bể dâu.

Đêm hôm đó tôi có mặt trong ngôi từ đường của tộc Nguyễn Thanh. Bên cạnh, cha tôi đứng trầm ngâm như mặc niệm trước di ảnh tổ tiên. Mẹ tôi thì sụt sùi mãi từ lúc tôi mới bước về. Chỉ có mỗi hai Người là không xa lạ với tôi. Nhìn thẳng con trai từ cõi chết bao nhiêu năm bỗng hiện về, rồi nhìn tấm ảnh của tôi đặt trên bàn thờ nhang đèn hoa trái đầy đủ, mẹ tôi cứ khóc ngon khóc lành. Bà vuốt ve, sờ nắn tôi như ngày còn bé dại. Mẹ nói nhìn thấy tôi còn sống như nằm mộng gặp chiêm bao. Lối xóm nghe tin ùn ùn kéo đến thăm hỏi chật nhà. Vài thằng bạn thua trận may mắn còn sống sót, nay thất cơ lỡ vận đi làm thuê làm mướn, đạp xích lô xe thồ, hùn tiền kéo tôi vào quán nhậu bình dân, chén đầy chén vui, chén mây chén tau, cạn đến mềm môi. Vài tuần sau tôi theo chúng nó, rồi cùng một kiếp cu-li lê lét kiếm sống, đoạn tháng qua ngày.

Châu ngựa cô tộp một hớp rượu lớn, đặt ly không xuống chiếu rồi thở dài. Anh trầm ngâm đốt thuốc rít vài hơi rồi tiếp tục câu chuyện cuộc đời:

- Đã nhiều năm kẻ thù đặt ách cai trị độc tài, bạo ngược lên đầu lương dân miền Nam. Ngẫm cho cùng, tôi nghĩ đến nay chắc họ cũng đã hiểu ra một điều: họ chẳng bao giờ là kẻ chiến thắng. Giờ đây họ đã tận mắt nhìn rõ bộ mặt thật đẹp đẽ của miền Nam. Cuộc sống âm no tiên bộ, nhà cửa tiện nghi và xã hội văn minh khác xa những lời tuyên truyền bịp bợm, dối trá của bọn đầu gấu cộng sản. Sự thật oái oăm khiến họ thức tỉnh, mới biết mình bị đảng lừa một cú cay độc. Bao nhiêu năm nằm gai nếm mật chiến đấu gian khổ, đến lúc chiến thắng mới bật ngửa ra là họ còn thua cả người dân nghèo miền Nam từ vật chất lẫn tri thức và nhiều phương diện khác. Hàng ngũ lãnh đạo vô học, dốt nát nhan nhản trong các cấp đảng bộ cầm quyền làm gì họ không biết.

Té ra kẻ chiến bại không phải ai khác lại chính là họ. Những người “đồng chí lớn” đê giả của họ cộng thêm sự bịp bợm của chế độ đã dồn đuổi họ vào con đường phần nô và đến một lúc mất hết niềm tin, họ bắt đầu quay trở lại chống đối kịch liệt. Lân này thì những con người cách mạng, ngày xưa chỉ biết tiến lên bằng mũi súng, ngày nay đã bị một vết nội thương trí mạng như tâm chường mà không hề thấy máu chảy ra bên ngoài cơ thể. Những kẻ huênh hoang chiến thắng trong Bắc bộ Phủ lại có thêm những kẻ thù mới, xuất phát từ trong hàng ngũ của họ như: Trần Độ, Bùi Tín, Hoàng minh Chính, Đặng kiên Giang, Phạm quế Dương, Nguyễn thanh Giang...

Riêng tôi, sau ngày trở về đã trở thành cái gai nhọn đáng ghét trước mắt công an. Họ bắt lên đồn viết báo cáo, răn đe rồi trình diện hàng ngày. Mặc, tôi vẫn thản nhiên sống. Mắt luôn luôn nhìn thẳng vào họ khi đối diện. Nhiều lần quá họ đâm nhọn, lâu dần rồi cũng lừng lơ con cá vàng... họ lảng đi. Họ ngây thơ quá, làm sao hiểu được những điều suy nghĩ trong cái đầu chai sạn của người tù lưu đày biệt xứ mới trở về. Tôi không muốn trở thành địch thủ của những kẻ háo thắng, vừa ngu xuẩn lại vừa ấu trĩ như những đứa bé chưa ráo máu đầu, mới bước chân chập chững vào cuộc đã may mắn có sẵn chiến thắng trong tay. Miền Nam thua trận vì có nhiều sai lầm nhưng chắc gì những kẻ chiến thắng miền Bắc đã không mắc phải sai lầm lớn hơn? Điều bất hạnh nhất là quê hương sau cuộc chiến được xếp vào hàng nghèo đói, lạc hậu và tham nhũng nhất thế giới. Đời sống người dân lao động muôn vàn cơ cực nhưng vẫn không đủ ăn mặc. Trẻ con thất học. Xã hội suy đồi. Lỗi ấy thuộc về ai? Câu hỏi xin dành lại cho lịch sử luận tội và phán xét những người có trách nhiệm từ cả hai phía đối nghịch. Có điều tôi biết chắc chắn rằng Việt Nam chỉ là một canh bài được sắp sẵn trên chiếu bạc quốc tế. Chiến thắng của kẻ thù không phải vì thiện chiến hơn chúng ta, nhưng họ có chỗ tựa vững chắc cộng thêm sự may mắn và đã tâm trá trở, phản bội của cả hai khối Quốc Cộng.

Trận chiến đã tàn. Cuộc thư hùng đã kết thúc. Cho đến nay toán chúng tôi chỉ còn sót lại mỗi mình tôi. Lô viết Cầu rồi cũng đã chết vì bị sốt ác tính vào năm 1984.

Hôm nay tôi không là cái gì hết, đơn giản chỉ là một người lính muốn nói lên những suy nghĩ của đời người vận nước; chỉ là kẻ đứng chông chênh ngoài xã hội, bên lề cuộc đời,

là chứng nhân của một cuộc bể dâu tang thương để ghi nhận thêm cho lịch sử quốc gia, dân tộc sự chuyển mình sang một trang mới với nhiều nỗi bể bàng, đau xót và phiền muộn. Thời gian rồi cũng dần phai đi. Tôi rồi cũng sẽ một ngày trở về với cát bụi, nơi chôn cất nguồn, một thứ quê hương cuối cùng trong tâm linh người sống. Nhưng, lịch sử sẽ là vĩnh viễn, là bất tử với thời gian. Tốt, xấu, đúng, sai rồi phải có một ngày được vạch trần hẳn hoi ra ánh sáng. Sự thật lịch sử sẽ được hoàn nguyên và chúng ta hãy vững tin chờ đợi ngày ấy ắt đến không xa.

Với các bạn, lời tâm tình thân thiết của tôi là mãi mãi chỉ muốn làm một người lính trọn trung, trọn nghĩa, trọn tình với quốc gia, dân tộc. Và tôi dám xác quyết với các bạn rằng, tôi không có điều gì phải ân hận, hối tiếc khi đã chọn làm một người lính quốc gia chân chính như đã từng chọn trước đây.

## VI

Phải đến năm 1995 gia đình anh mới đặt chân được đến Mỹ. Nghe anh kể thì suýt chút nữa lại bị Mỹ chơi đều, bỏ rơi thêm lần thứ hai.

Lần thứ nhất vào năm 1973 tại hòa đàm Paris, trong điều khoản cam kết về việc trao trả tù binh, các anh bị gạt ra khỏi danh sách vì Mỹ không thừa nhận BK là người được họ huấn luyện, trả lương và thực hiện các kế hoạch hành quân trong cuộc chiến bí mật. Các anh đã sớm bị người bạn Mỹ gian trá phản bội, trước khi hiện rõ bộ mặt tráo bán đứng miền Nam, trắng trợn bỏ rơi chiến hữu.

Hồ sơ bí mật BK nằm kín trong văn khố Ngũ giác Đài chưa hề một lần được giải mật. Phải đợi nhiều năm sau, đến lúc chương trình HO ra đời và những người lính Việt Nam hoạt động bí mật bên kia bức màn sắt còn sống sót được thả về, lần lượt ra đi ty nạn và có mặt trên đất Mỹ thì nội vụ mới được một số người Mỹ chân chính đưa ra ánh sáng. Tác phẩm "Secret Army, Secret War" của Sedgwick Tourison, cựu nhân viên tình báo lục quân Mỹ được ra đời ngay vào thời điểm đó đã phơi trần tất cả sự thật bỉ ổi của chính quyền Nixon. Đồng thời trong dịp Đại Hội ra mắt Gia Đình Biệt Kích VN tại tiểu bang Georgia vào tháng 10 năm 1995, S. Tourison là diễn giả người Mỹ duy nhất đã thuyết trình và trả lời bằng ngôn ngữ tiếng Việt, thông suốt tất cả các câu hỏi có liên quan đến những hoạt động vượt tuyến trong cuộc chiến tranh ngoại lệ VN.

Cùng thời gian đó, một tập thể luật sư hùng hậu của ông John Mattes đã phát đơn kiện chính phủ Hoa Kỳ bội tín, bỏ rơi các quân nhân BKN. Hội đồng lưỡng viện Hoa Kỳ quyết định giải mật các hồ sơ có liên quan đến vấn đề này. Sau đó các quân nhân BKN hiện đang sống trên đất Mỹ được mời đến điều trần tại quốc hội vào ngày 19 tháng 6 năm 1996 và tất cả sự thật giấu diếm từ lâu đã được phơi bày ra ánh sáng. Giới truyền thông, báo chí Hoa Kỳ đồng thanh ủng hộ. Họ đưa tin, viết bài, lên tiếng công kích sự gian trá

của chính quyền Mỹ thời đó và đòi hỏi chính phủ phải hoàn trả tiền lương 20 năm cho những BK bị họ bỏ rơi. Những chiến sĩ Kinh Kha thời đại VNCH được hồi sinh như những anh hùng. Đó chính là giá trị đích thực của lòng yêu nước, của sự hy sinh cao cả không hề tiếc máu xương của những chàng trai đất Việt yêu chuộng tự do, công lý và dân chủ. Đó chính là lòng dũng cảm, sự cao thượng của trai trẻ VN, sẵn sàng sống cho tha nhân và chết cho dân tộc.

Số tiền bốn mươi ngàn mỹ kim bồi thường cho một người lính BK so ra chẳng nghĩa lý vào đâu đối với sinh mạng quý giá của con người. Cái may mắn to lớn nhất đối với họ là còn sống trở về với cha mẹ, vợ con, những người thân yêu đã hàng bao nhiêu năm mỗi mắt chờ trông. Phần thưởng tinh thần mới chính là những cái thật sự họ cần thiết. Bốn mươi ngàn đô-la đối với họ, những người lính kiêu hùng, chỉ là bãi nước bọt nhỏ vào mặt những tên điếm đảng buôn bán chiến tranh như Nixon, Kissinger... bắt chúng phải cúi đầu nhận tội phản bội. Bốn mươi ngàn đô-la là cái đấm thối sơn vào những bộ mặt tro tráo đã một thời mặt ngọt, giả nhân giả nghĩa, là sự vạch trần cho thế giới biết rõ về bản chất gian manh của những tên hoạt đầu chính trị trên một xứ sở dư thừa bơ sữa nhưng thiếu thốn tình người. Những người lính BK đã tự hào sống xứng đáng là một con người Việt Nam chân chính.

## VII

Đến nay chiến tranh đã đi qua, thiên hạ gặp nhau, nhìn nhau, tất cả đều bình thường như nhau. Duy chỉ có những người trong cuộc mới hiểu được mình. Do vậy, chẳng lấy chi làm lạ khi bây con trẻ vẫn thường nghe cha chú nhắc đi nhắc lại hoài chuyện ngày xưa. Chỉ những giây phút đó họ mới thật sự sống trọn vẹn cho chính mình.

Hôm nay, trên những nẻo đường luân lạc của kiếp người lưu vong, họ xóa sổ làm lại từ đầu, bôn ba tàn tạ kiếm sống. Thời gian rồi rảnh họ dành cho mớ hoài niệm quá khứ với nhiều vết tích đau thương còn hằn sâu trên da thịt quê hương, dân tộc và chính bản thân mình. Trong lòng họ không hề hối tiếc hay oán trách những lần ra đi sống chết trong nguy nan cuộc đời, dù họ đã bị phản bội, dù họ đã từng chết đi sống lại.

Trăng ở đây không sáng bằng những đêm trăng ở quê nhà. Đã bao nhiêu lần họ nhìn thấy lại hình bóng của chính mình. Ở đó có hạnh phúc, thương đau... khởi đầu từ một thời son trẻ cho đến cuối chặng đường trăng khuyết. Đời người rồi cũng đã trôi qua mau như ánh đèn, như gió thổi, như mây bay, như chiêm bao. Tất cả đều là phù vân.

*Tiên Sha - Lê Luyến*



---

*Nguồn: Internet eMail by ddc chuyển*

*Đăng ngày Thứ Bảy, January 27, 2018  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*